

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thực tế cho thấy, tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế là một chuỗi các giao dịch phức tạp liên quan đến nhiều thực thể khác nhau, bao gồm: doanh nghiệp XNK, cung ứng dịch vụ; hãng vận tải, kinh doanh cảng, kinh doanh kho bãi, logistics, ngân hàng, hãng bảo hiểm,... Với độ mở nền kinh tế đã lên tới 200% GDP, tốc độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc khá nhiều vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và để đạt được các bước tiến trong lĩnh vực này, đảm bảo tính cạnh tranh với các nền kinh tế khác đòi hỏi nước ta phải thực hiện các giải pháp quyết liệt nhằm tạo thuận lợi thương mại, đảm bảo khả năng cạnh tranh quốc gia. Hướng đến mục tiêu trên, năm 2005, Việt Nam đã ký kết Hiệp định xây dựng và thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN (ASW) và song song với đó triển khai Cơ chế một cửa quốc gia (NSW). Sau nhiều nỗ lực triển khai NSW, đến hết năm 2019 Việt Nam đã triển khai được 188 TTHC trên NSW, tuy nhiên, đối với các TTHC có thu phí thì mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp dịch vụ công mức độ 3, thanh toán phí và lệ phí giữa các doanh nghiệp với nhau, cũng như giữa các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh (XNK); phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (XNC) tại Việt Nam còn nhiều khâu phải thực hiện thủ công, về cơ bản tách rời các thủ tục khác, làm mất nhiều thời gian và tác động trực tiếp đến quá trình thông quan hàng hóa, phương tiện.

Do vậy, việc tìm kiếm các giải pháp để thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử thông qua NSW xuất phát từ các yêu cầu: (i) nhu cầu hội nhập và thực hiện cam kết quốc tế; (ii) cải cách hành chính của các cơ quan nhà nước; (iii) tạo môi trường thuận lợi nhất cho thương

mại phát triển, tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia; (iv) thực hiện các mục tiêu xây dựng chính phủ điện tử; (iv) thực hiện chủ trương không dùng tiền mặt.

Nếu việc thực hiện thanh toán có thể thực hiện thông qua NSW, các doanh nghiệp có thể thanh toán một cách nhanh nhất, an toàn và thuận lợi nhất, thanh toán một lần cho tất cả các loại thuế, phí và lệ phí khác nhau liên quan đến hàng hóa XNK; phương tiện XNC.

Xuất phát từ những lý do đó, NCS đã lựa chọn đề tài “ ***Giải pháp thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia***” làm đề tài nghiên cứu của mình, với mong muốn đưa ra được những giải pháp để thực hiện một nội dung rất quan trọng của Cơ chế một cửa quốc gia, tạo thuận lợi cho phát triển thương mại Việt Nam trong thời gian tới.

## **2. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

- Mục đích nghiên cứu của đề tài là đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia của Việt Nam giai đoạn 2020 - 2030.

- Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là phương thức thu nộp các khoản thuế, phí, lệ phí của hàng hóa XNK, phương tiện XNC bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia tại Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi nghiên cứu của luận án bao gồm: nghiên cứu thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia đối với các các khoản thuế, phí và lệ phí phải nộp của hàng hóa XNK, phương tiện XNC giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý Nhà nước.

### **3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án**

**Ý nghĩa khoa học:** Luận án góp phần khái quát và hệ thống hoá những vấn đề lý luận về thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia; chỉ ra các yếu tố tác động đến thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia, xây dựng mô hình kinh tế lượng đánh giá tác động của các yếu tố đó.

Bên cạnh đó, Luận án còn xây dựng được mô hình mô phỏng thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia. Qua đó, chứng minh được tính hiệu quả của việc thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia.

**Ý nghĩa thực tiễn:** Luận án đã tổng hợp và phân tích một cách hệ thống về thực trạng thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử các khoản thu ngân sách của Việt Nam đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Trên cơ sở phân tích những kết quả đạt được, những hạn chế cũng như phân tích tầm quan trọng của thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia, từ đó đề xuất mô hình, quy trình, lộ trình thực hiện,... và các giải pháp khác có ý nghĩa thiết thực. Những kết quả nghiên cứu này của Luận án có thể làm tài liệu tham khảo, phục vụ cho công tác chỉ đạo, triển khai thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia, xây dựng tích hợp ứng dụng thanh toán thuế, phí và lệ phí... bằng phương thức điện tử thông qua Cơ chế một cửa quốc gia của Việt Nam và ASEAN.

## **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

### **1.1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

Để thực hiện đề tài luận án, NCS đã tham khảo các công trình và

tài liệu nghiên cứu về Cơ chế một cửa quốc gia, thanh toán điện tử trong và ngoài nước. Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, thanh toán thuế, phí, lệ phí bằng phương thức điện tử, giúp NCS tiếp tục đi phân tích làm rõ lợi ích, sự cần thiết cũng như các giải pháp thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia tại Việt Nam.

## **1.2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU**

### **1.2.1 Các lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu**

Bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế và quan điểm của Đảng, nhà nước, NCS sử dụng các lý thuyết sau trong quá trình nghiên cứu: Các lý thuyết liên quan đến Cơ chế một cửa quốc gia được vận dụng trong việc xây dựng, hình thành và áp dụng trong thực hiện thanh toán điện tử; Các lý thuyết liên quan đến thuế, phí, lệ phí; Các lý thuyết về thanh toán điện tử, giao dịch điện tử; Các lý thuyết liên quan đến thống kê, hồi quy tuyến tính và phân tích dự báo.

### **1.2.2 Câu hỏi nghiên cứu**

Các câu hỏi được đặt ra trong quá trình nghiên cứu bao gồm:

- Lợi ích của việc thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia?
- Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia và phương pháp/cách thức đo lường/đánh giá sự tác động của các nhân tố đó tới việc thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia?

- Thực trạng thanh toán bằng phương thức điện tử đối với các khoản thu liên quan đến hàng hóa XNK, phương tiện XNC tại Việt Nam thế nào? Đã đạt được những kết quả gì? Tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại này?

- Khả năng sẵn sàng thực hiện thanh toán các khoản thuế, phí, lệ phí bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia của doanh nghiệp, của các cơ quan quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

- Các giải pháp để triển khai hiệu quả việc thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia tại Việt Nam?

## **CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA**

### **2.1. KHÁI NIỆM CÁC KHOẢN THU CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH; PHƯƠNG TIỆN XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH**

Phổ biến ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, hàng hóa XNK là đối tượng chịu thuế XNK. Ngoài ra, tùy theo loại hàng hóa hoặc thời điểm, các quốc gia có thể áp dụng thêm các loại thuế: Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng và có thể bổ sung thêm thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ trong thi các cam kết WTO. Các loại phí, lệ phí đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh có thể bao gồm lệ phí hải quan; phí cấp phép, phí kiểm định chất lượng, phí kiểm dịch động thực vật, phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ... đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh. Ngoài ra để phát triển mới, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng giao thông, các

Quốc gia đều thu phí với các phương tiện XNC tham gia sử dụng hạ tầng giao thông.

## **2.2. KHÁI NIỆM CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA VÀ THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ**

### **2.2.1 Khái niệm và các bên tham gia vào Cơ chế một cửa quốc gia**

Theo Điều 4, Luật Hải quan số 54/2014/QH13: “ Cơ chế một cửa quốc gia là việc cho phép người khai hải quan gửi thông tin, chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua một hệ thống thông tin tích hợp. Cơ quan quản lý nhà nước quyết định cho phép hàng hóa được xuất nhập khẩu, quá cảnh; cơ quan Hải quan quyết định thông quan, giải phóng hàng hóa trên hệ thống thông tin tích hợp”

Các bên tham gia vào cơ chế một cửa quốc gia của Việt Nam bao gồm:

- Các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển; Cơ quan hải quan, Cảng vụ, Cơ quan đăng kiểm, kiểm dịch động thực vật, y tế, cấp phép hàng hóa XNK;

- Các doanh nghiệp XNK; hãng vận tải XNC; Các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi; đại lý hải quan, giao nhận hàng hóa; Các ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm.

### **2.2.2 Khái niệm về thanh toán điện tử**

Dennis (2004) định nghĩa hệ thống thanh toán điện tử như một hình thức cam kết tài chính có liên quan đến người mua và người bán thông qua việc sử dụng các thông tin liên lạc điện tử. Các văn bản quy

phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay mới chỉ đưa ra định nghĩa về “giao dịch thanh toán” và “giao dịch điện tử”. Theo đó, “Giao dịch thanh toán là việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc chuyển tiền giữa tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện thanh toán khác nhau (tiền mặt và không dùng tiền mặt)”. Như vậy, thanh toán bằng phương thức điện tử hay còn gọi là “*Thanh toán điện tử*” có thể được hiểu là việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc chuyển tiền giữa các chủ thể trong nền kinh tế thông qua các phương tiện điện tử.

### **2.3. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA**

#### **2.3.1 Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia**

Khái niệm thanh toán điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia được xây dựng dựa trên khái niệm về thanh toán điện tử và khái niệm về Cơ chế một cửa quốc gia trong bối cảnh phát triển của thương mại quốc tế, tạo thuận lợi thương mại và sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Theo đó, “*Thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia*” được hiểu là việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc chuyển tiền giữa bên tham gia vào Cơ chế một cửa quốc gia bằng phương tiện điện tử thông qua kết nối, xử lý thông tin trên Hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia.”

Từ các lý thuyết cơ bản đã đề cập ở trên, có thể thấy được các đặc trưng của thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia gồm:

*Thứ nhất:* Các bên tham gia Cơ chế một cửa quốc gia thực hiện

thanh toán bằng phương thức điện tử.

Không thực hiện thanh toán thủ công, hoặc tự động một phần, các bên tham gia Cơ chế một cửa quốc gia thực hiện thanh toán thuế, phí, lệ phí giữa các bên hoàn toàn bằng phương thức điện tử.

*Thứ hai:* Các bên tham gia Cơ chế một cửa quốc gia kết nối thanh toán tập trung tại Cổng thông tin Một cửa quốc gia,

Thay vì kết nối từng bên để thanh toán theo từng nghiệp vụ riêng lẻ như hiện tại, các bên tham gia Cơ chế một cửa quốc gia kết nối thanh toán tập trung tại Cổng thông tin Một cửa quốc gia.

### **2.3.2 Các nhân tố tác động đến thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia**

Qua nghiên cứu của NCS, các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia bao gồm:

- Nhân tố pháp lý;
- Nhân tố mô hình và quy trình thanh toán;
- Nhân tố kỹ thuật;
- Nhân tố tài chính;
- Nhân tố nhận thức của các bên tham gia;

Với việc tìm hiểu và tham khảo các mô hình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước, kết hợp với những phân tích về các nhân tố tác động đến thực hiện phương thức thanh toán điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia. Để phù hợp với thực tế Việt Nam, NCS đề xuất cụ thể các nhân tố tác động chung về một số tiêu chí đánh giá cụ thể

## **2.4. KINH NGHIỆM THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ**



## QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Trong khuôn khổ Luận án này, NCS lựa chọn nghiên cứu học tập mô hình thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia của 4 nước gồm: Singapore, Indonesia, là những nước gần gũi với Việt Nam; Nhật Bản là quốc gia đã hỗ trợ xây dựng và triển khai Hệ thống VNACCS/VCISS cho Việt Nam; và Hoa Kỳ, quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới.

Cơ chế một cửa quốc gia của các nước này đều cho phép thu nộp thuế, phí, lệ phí và nhiều khoản thu khác liên quan đến hoạt động XNK, XNC thông qua Cơ chế một cửa quốc gia nhờ cấu phần thanh toán điện tử trong Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Trên cơ sở thực tiễn triển khai của các nước, có thể rút ra những kinh nghiệm cho công tác triển khai tại Việt Nam gồm: (1) nghiên cứu đầy đủ các khuyến nghị của các tổ chức quốc tế như UN, WCO, WTO để xây dựng mô hình thanh toán bằng phương thức điện tử qua cơ chế một cửa quốc gia cho phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam; (2) chú trọng công tác rà soát, chuẩn hóa quy trình thủ tục, hài hòa dữ liệu ngay từ giai đoạn đầu của quá trình triển khai; (3) cần phải cân đối, xác định các nguồn lực ưu tiên để đầu tư hoàn thiện về hạ tầng công nghệ cũng như các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; (4) cần có một hệ thống văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn hoàn chỉnh, đảm bảo cơ sở pháp lý để người dân và doanh nghiệp có thể yên tâm thực thi cũng như dễ dàng thực hiện; (5) công tác tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến cũng cần được quan tâm thực hiện để giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia.

### **CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM**

#### **3.1. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN THANH TOÁN ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM**

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng trị giá XNK hàng hóa của Việt Nam năm 2019 đã vượt 500 tỷ USD, gần gấp 1,6 lần so với kim ngạch XNK của năm 2015. Sự bùng nổ của của công nghệ thông tin, sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động thương mại điện tử và cơ sở để các ngân hàng cũng nhanh chóng tiếp cận, mở rộng cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử để phục vụ người dân và doanh nghiệp. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng số thu thuế, phí, lệ phí đối với hàng hóa XNK qua các năm đều tăng và số thu qua phương thức điện tử cũng tăng tương ứng. Nếu như năm 2015, tỷ lệ thu bằng phương thức điện tử mới chỉ là 62,88% thì năm 2019 con số này đã lên tới 97,11%. Số lượng ngân hàng phối hợp thu với Tổng cục Hải quan cũng tăng nhanh chóng, đến hết năm 2019 đã có 43 phối hợp thu với Tổng cục Hải quan, trong đó có 32 ngân hàng tham gia chương trình thu thuế điện tử 24/7

#### **3.2. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA VÀ THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM**

Từ năm 2014, Việt Nam đẩy mạnh triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Tính đến ngày 30/12/2019, Cơ chế một cửa quốc gia đã có 188 thủ tục hành chính của 13 Bộ, ngành kết nối (bao gồm cả Bộ Tài chính) với trên 2,7 triệu hồ sơ của khoảng 35 ngàn doanh nghiệp tham gia cơ chế một cửa quốc gia. Theo số liệu do NCS thu thập ngoài thu thuế,

phí, lệ phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan Hải quan thực hiện, tại thời điểm tháng 12/2018, tổng cộng có 122 thủ tục của các Bộ, ngành liên quan có thu phí liên quan đến hàng hóa XNK, phương tiện vận tải XNC, trong đó, riêng Bộ Giao thông Vận tải có 85 thủ tục hành chính có thu phí. Hiện nay số thuế, phí, lệ phí của các Bộ, ngành đã khá nhiều thực hiện bằng phương thức điện tử nhưng chưa thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia

### **3.3. PHÂN TÍCH VÀ HỎI QUY NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA TRÊN CƠ SỞ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP, CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

Nhằm xác định đánh giá một số yếu tố tác động đến việc sử dụng thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia, NCS đã thực hiện khảo sát điều tra từ các doanh nghiệp, cơ quan QLNN và chuyên gia. Công cụ thu thập số liệu là bảng câu hỏi khảo sát. Trong nghiên cứu tác giả sử dụng thang đo Likert (từ 1- 5) để đo lường các yếu tố. Các biến quan sát cụ thể được đo bằng thang đo Likert 5 điểm, từ mức độ 1= Hoàn toàn không đồng ý đến mức độ 5= Hoàn toàn đồng ý.

*Khảo sát thực tế:* NCS thực hiện khảo sát đối tượng thông qua bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế và gửi bản in trên giấy tới 800 đối tượng.

*Thu thập dữ liệu:* Kết quả số lượng bảng hỏi thu thập được 598 bảng hỏi được trả lời được nhập vào bảng tính Excel.

### ***3.3.1.1 Đánh giá độ tin cậy thang đo***

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia được thực hiện thông qua các số liệu nghiên cứu định lượng được phân tích thông qua phần mềm xử lý thống kê SPSS 20 đánh để giá độ tin cậy của thang đo được thực hiện thông qua sử dụng Cronbach's alpha các biến quan sát.

### ***3.3.1.2 Phân tích nhân tố khám phá EFA***

Để nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia, tác giả sử dụng kỹ thuật phân tích khám phá nhân tố EFA nhằm nhận diện các yếu tố đó. Kết quả ma trận xoay cho thấy, 25 biến quan sát được gom thành 5 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0,5.

Với kết quả đạt được qua nghiên cứu dữ liệu của đề tài cho thấy có thể kết luận được sự ảnh hưởng của các nhân tố về Cơ quan hải quan; sự hữu ích đem lại từ việc thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia; Quy định pháp luật; Chất lượng của hệ thống thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia, các chức năng của thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia; Sự hỗ trợ kỹ thuật; sự tham gia tích cực của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các đơn vị truyền thông (truyền hình, báo, đài) trong tuyên truyền việc áp dụng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia có tác động tích cực đến mức độ quyết định sử dụng thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia.

### **3.4. MỘT SỐ TÒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TÒN TẠI TRONG THỰC HIỆN THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA Ở VIỆT NAM**

Một số tồn tại khi thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia bao gồm : (i) Các doanh nghiệp còn gặp khó khăn khi thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí với hàng hóa XNK, phương tiện XNC bằng phương thức điện tử; (ii) Kết nối giữa các bên liên quan để thực hiện thanh toán điện tử còn phức tạp; (iii) Các bên liên quan tham gia Cơ chế một cửa quốc gia tại Việt Nam đang thực hiện thanh toán bán thủ công, mất nhiều chi phí thời gian, nhân lực. (iv) Tâm lý e ngại về an ninh, an toàn và thiếu sự hỗ trợ khi thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử

Việc chưa thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia xuất phát từ các nguyên nhân chính sau đây:

- Hệ thống cơ sở pháp lý phục vụ thực hiện thanh toán qua Cơ chế một cửa quốc gia chưa đầy đủ;
- Thiếu một mô hình và quy trình thanh toán tổng thể, nhất quán giữa các bên tham gia Cơ chế một cửa quốc gia;
- Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đảm bảo;
- Nhận thức còn khác nhau của các bên tham gia Cơ chế một cửa quốc gia;
- Sự hỗ trợ của cơ quan Nhà nước đối với doanh nghiệp chưa rõ nét;
- Các nguyên nhân khác : Ngoài các nguyên nhân nêu trên, còn một số nguyên nhân khác có thể kể đến : Nguồn lực của các bên liên quan còn hạn chế; Công tác tuyên truyền còn chưa phát huy được hiệu

quả; Thủ tục đầu tư các dự án công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý Nhà nước còn nhiều bất cập.

## **CHƯƠNG 4. BỐI CẢNH VÀ GIẢI PHÁP THúc ĐẨY THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM**

### **4.1. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM**

Cơ chế một cửa quốc gia diễn ra trong bối cảnh bùng nổ thương mại hàng hóa, các quốc gia đều coi trọng hợp tác, phát triển giao thương cả về hàng hóa và dịch vụ. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Trong đó, việc thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia có vai trò hết sức quan trọng để cung cấp dịch vụ công đạt mức độ 4 qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

NCS đề xuất **các định hướng chính** thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia trong thời gian tới như sau:

- Ưu tiên triển khai thanh toán bằng phương thức điện tử trong việc nộp thuế, phí, lệ phí giữa các doanh nghiệp với cơ quan quản lý Nhà nước (B2G), tạo nền tảng cho thanh toán điện tử giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp tại Việt Nam qua Cơ chế một cửa quốc gia;

- Áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử cho các doanh nghiệp qua Cơ chế một cửa quốc gia;

- Chú trọng huy động nguồn lực của toàn xã hội thông qua xã hội hóa các dịch vụ để thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử cho

các doanh nghiệp qua Cơ chế một cửa quốc gia;

- Tăng cường tuyên truyền đến các bên liên quan về lợi ích của thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử trong Cơ chế một cửa quốc gia;

- Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng, hoàn thiện chính sách, quy định của Nhà nước trong đẩy mạnh thanh toán điện tử.

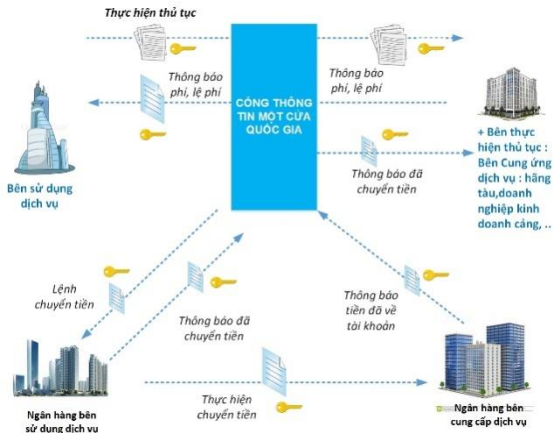
## **4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN TRIỂN KHAI THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM**

Các giải pháp cơ bản triển khai thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia tại Việt nam được NCS nghiên cứu, đề xuất bao gồm :

### **4.2.1 Hoàn thiện chính sách và các quy định pháp luật của nhà nước**

Thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia thực hiện bởi nhiều bên (hãng tàu, công ty logistics, doanh nghiệp XNK,... ngân hàng thương mại) với nhiều cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính - Tổng cục Hải quan, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Thông tin truyền thông,...). Do vậy NCS, đề xuất cần ban hành: (i) Nghị định của Chính phủ về thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia để thay thế cho các quy định pháp lý hiện hành; (ii) Thông tư của Bộ Tài chính quy định về các tiêu chí thông tin, quy trình, trình tự xử lý giữa các bên (cơ quan QLNN) để làm cơ sở pháp lý triển khai thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia.

## 4.2.2 Xây dựng mô hình thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia



Do Việt Nam đang trong quá trình nghiên cứu và chuẩn bị triển khai, việc xây dựng mô hình thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. NCS đã nghiên cứu đề xuất mô hình thanh toán tích hợp để triển khai thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia. Với mô hình này việc thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia có thể thực hiện bằng các phương thức như sau:

### 4.2.2.1 *Thực hiện thanh toán không qua tài khoản thanh toán*

Với phương thức này, việc thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia có thể thực hiện qua 02 cách như sau:

- Bên thanh toán thực hiện gửi yêu cầu chuyển tiền qua Cổng thông tin Một cửa quốc gia:

Theo phương thức này, bên thanh toán thực hiện gửi lệnh chuyển



tiền qua Cơ chế một cửa quốc gia và lệnh chuyển tiền này được chuyển đến Ngân hàng (*của bên thanh toán*)

- Bên thanh toán thực bảo lãnh điện tử đối với khoản thanh toán qua Cơ chế một cửa quốc gia:

Phương thức này về cơ bản giống như phương thức bảo lãnh điện tử hiện tại. Điểm khác biệt ở đây là bên thanh toán thay vì gửi đề nghị bảo lãnh trực tiếp đến Ngân hàng sẽ gửi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia đến Ngân hàng của mình để thực hiện bảo lãnh.

#### **4.2.2.2 *Thực hiện thanh toán thông qua tài khoản thanh toán:***

Để thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia theo mô hình này, bên thanh toán thực hiện mở tài khoản hoặc ví điện tử trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia. Tài khoản hoặc Ví điện tử trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia của bên thanh toán sẽ được liên kết với tài khoản của đơn vị, cá nhân đó tại Ngân hàng thương mại hoặc ví điện tử thuộc các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán khác. Bên thanh toán thực hiện chuyển tiền thanh toán qua công cụ do Cổng thông tin Một cửa quốc gia cung cấp

#### **4.2.3 *Xây dựng quy trình thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia***

NCS đề xuất một quy trình thanh toán bằng phương thức điện tử sẵn sàng có thể áp dụng chung cho các bên liên quan thực hiện thủ tục với phương tiện, hàng hóa cả đường bộ, đường biển, đường sắt, đường hàng không qua Cơ chế một cửa quốc gia khi đủ điều kiện với mục tiêu cắt giảm thời gian và chi phí cho tất cả các bên liên quan.

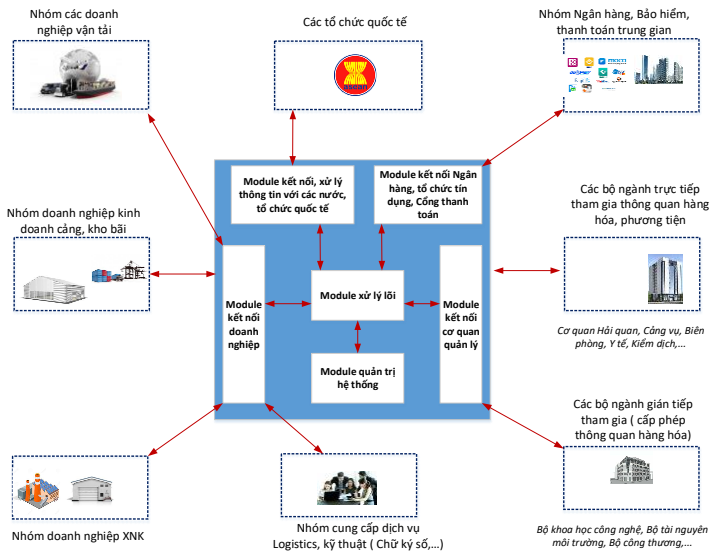
Các quy trình được xây dựng dựa trên khái niệm “***Thanh toán tích hợp***”. Toàn bộ khâu thanh toán được tích hợp chặt chẽ trong quá trình

thực hiện thủ tục bao gồm:

- Nhóm Quy trình thanh toán bằng phương thức điện tử theo phương thức không qua tài khoản thanh toán.
- Nhóm Quy trình thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử theo phương thức thông qua tài khoản thanh toán.

#### 4.2.4 Đảm bảo khả năng của hệ thống thông tin phục vụ thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia

Để đảm bảo thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia, NCS đã đề xuất mô hình hệ thống công nghệ thông tin phù hợp đảm bảo kết nối được cả các bên có liên quan, đáp ứng ngay được yêu cầu hiện tại cũng như đảm bảo khả năng mở rộng, phát triển trong tương lai phục vụ thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia.



Ngoài ra, NCS đề xuất các giải pháp công nghệ thông tin đảm bảo kết nối tất cả các bên liên quan phù hợp với khả năng của hạ tầng viễn

thông, hạ tầng cung cấp các dịch vụ chứng thực giao dịch điện tử hiện tại của Việt Nam; đảm bảo giao dịch điện tử giữa các bên được nhanh chóng, an toàn, bảo mật;

#### **4.2.5 Giải pháp Tài chính**

Đối với các cơ quan Nhà nước cần dành nguồn kinh phí đủ cho các công việc :

- Hoàn thiện quy định pháp luật;
- Xây dựng hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia triển khai tập trung tại Tổng cục Hải quan;
- Xây dựng mới, nâng cấp hệ thống thông tin tại các Bộ, ngành;
- Tuyên truyền, đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp.

Việc tuyên truyền, đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp cần có sự phối hợp với các bên liên quan như Ngân hàng thương mại, các công ty cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng ( công ty tin học, , công ty cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.....) để sát với nhu cầu đào tạo và giảm bớt chi phí từ Ngân sách nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp cần có những khoản vay ưu đãi để nâng cấp hệ thống CNTT, có chính sách xã hội hóa để bên thứ ba (các công ty tin học, công ty cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán,....) có thể cung cấp giải pháp cho doanh nghiệp thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia. Tạo cơ chế để bên thứ 3 có thể đầu tư thu phí để cung cấp dịch vụ về giải pháp; kết nối, truyền dẫn, xử lý dữ liệu,.....

#### **4.2.6 Các giải pháp khác**

Ngoài các giải pháp chủ yếu nêu trên, NCS đề xuất một số giải pháp như sau : (i) Đảm bảo sự hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn vận hành của cơ quan nhà nước đối với hệ thống thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia; (ii) Đảm bảo môi trường xã hội thuận lợi cho thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia; (iii) Tăng cường sự nhận thức của các bên liên quan; (iv) Đảm bảo nguồn nhân lực của các bên tham gia thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia; (v) Tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ của các Ngân hàng thương mại.

#### **4.3. TÍNH HIỆU QUẢ VÀ KHẢ NĂNG MỞ RỘNG THỰC HIỆN THANH TOÁN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA**

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, mô hình đề xuất, NCS lựa chọn nghiên cứu định lượng để kiểm định tính hiệu quả khi thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia. Trong phạm vi nghiên cứu, để chứng minh tính hiệu quả của thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia, NCS đã xây dựng hệ thống mô phỏng thanh toán giữa các bên trên hệ thống máy tính. Thông qua ngôn ngữ lập trình tiên tiến, hệ thống mô phỏng đã tính toán được thời gian tiết kiệm đối với thủ tục thanh toán lệ phí hàng hải là **692 ngày** và cấp phép hàng hóa XNK là **1632 ngày** trong một năm.

Việc thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia có thể đáp ứng các phương thức quản lý hiện đại sẽ áp dụng trong tương lai của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như nhu cầu thanh toán phí giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp trong chuỗi dây

chuyên thương mại quốc tế tại Việt Nam.

#### **4.4. ĐỀ XUẤT LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

Căn cứ chủ trương của Đảng, Chính phủ về thực hiện cam kết quốc tế, tạo thuận lợi thương mại, thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, giảm thanh toán tiền mặt trong nền kinh tế, NCS đã đề xuất lộ trình thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia và đưa ra các kiến nghị với Chính phủ; với các Bộ, ngành liên quan; với Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp; với cộng đồng doanh nghiệp và với các cơ quan thông tấn, báo chí.

## KẾT LUẬN

Việt Nam đã hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, theo nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu; có quan hệ ngoại giao với 185 nước, quan hệ kinh tế với 224 quốc gia và vùng lãnh thổ, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, đối tác toàn diện với 10 nước. Cho đến nay, đã có 64 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Việt Nam đã ký kết 12 Hiệp định thương mại tự do (FTA) khu vực và song phương, đang tiếp tục đàm phán 4 Hiệp định FTA thế hệ mới. Môi trường quốc tế đang có những biến động rất nhanh chóng trong thời gian gần đây, Việc tham gia đàm phán, ký kết các FTA có tác động tích cực tới phát triển kinh tế, song cũng đan xen rất nhiều thách thức đến từ bên ngoài và nội tại nền kinh tế, nhất là chủ nghĩa bảo hộ đang có xu hướng quay lại trên thế giới.

Đến nay Việt Nam đã tham gia vào một số chuỗi giá trị có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu trong đó có: Chuỗi giá trị lương thực và an ninh lương thực; chuỗi giá trị năng lượng và an ninh năng lượng (dầu mỏ, khí, than); chuỗi giá trị hàng dệt may và da giày.....và XNK có một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước. Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia có vị trí quan trọng trong tổng thể kế hoạch cải cách thủ tục hành chính, tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia. Toàn bộ nội dung được trình bày tại Chương 3 đã làm rõ, các cơ quan quản lý Nhà nước giữ giữa vai trò chủ đạo trong xây dựng chính sách, tạo dựng cơ sở hạ tầng và là một bên trực tiếp thực hiện nhưng để triển khai hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia không thể thiếu vắng vai trò của doanh nghiệp. Lược bỏ, đơn giản hóa, điện tử hóa các

thủ tục hành chính giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý Nhà nước chỉ giảm được một phần thời gian, chi phí của cả chuỗi dây truyền cung ứng, và các doanh nghiệp có trách nhiệm trong việc giảm phân còn lại theo một luật chơi chung là các chuẩn mực giao dịch thương mại quốc tế.

Các kết quả nghiên cứu chính của NCS tại Luận án “ Giải pháp thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia” bao gồm:

Về mặt lý luận : Từ các lý thuyết nền tảng đưa ra khái niệm, các đặc trưng cơ bản của thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia; Xác định mô hình, các yếu tố tác động và các tiêu chí đánh giá tác động đến thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia; Nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia phát triển trên thế giới và khu vực từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Về đánh giá hiện trạng : Đánh giá được hiện trạng triển khai Cơ chế một cửa quốc gia; hiện trạng thanh toán điện tử; thực trạng hàng hóa XNK, phương tiện XNC; các khoản thuế, phí, lệ phí thu nộp giữa các bên tham gia Cơ chế một cửa quốc gia; Xử lý kết quả điều tra trên phần mềm SPSS 20 từ đó xác định được các tồn tại, nguyên nhân dẫn đến chưa triển khai thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia ;

Về giải pháp và đề xuất : Đã xác định bối cảnh, xác định định hướng, đề xuất được các giải pháp tương đối toàn diện để thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia. Các giải pháp đề xuất không những giải quyết những vấn đề đặt ra của Luận án mà còn có khả năng mở rộng trong tương lai. Hệ thống thông

tin giả lập mô hình thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia đã được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình tiên tiến để chứng minh tính hiệu quả của giải pháp thanh toán mới so với các giải pháp hiện tại. Kế hoạch triển khai cũng như các đề xuất cụ thể với Chính phủ, các Bộ, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp, Phòng Thương mại Công nghiệp và cộng đồng cũng được đưa ra để đảm bảo thực hiện thanh toán bằng phương thức điện tử qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Qua kết quả nghiên cứu tại Luận án, NCS đã đưa ra một phương thức tiếp cận thực tế, những giải pháp hiệu quả, khả thi nhằm thực hiện một bước đột phá trong khâu thanh toán thuế, phí, lệ phí đối với hàng hóa XNK, phương tiện XNC trong tổng thể cải cách thủ tục thương mại quốc gia, góp phần cắt giảm, hợp lý hóa thủ tục thương mại; giảm thời gian chi phí cho cả cơ quan quản lý Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu của Luận án còn có khả năng mở rộng góp phần hơn nữa thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia trong thời gian tới.